

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,843 – 1,882 trước khi đóng cửa tại mốc 1,853.29 điểm, giảm hơn 17 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 10/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản giảm mạnh nhất, theo sau là Hàng cá nhân & gia dụng. Ở chiều ngược lại, ngành Ô tô & phụ tùng và Truyền thông có phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường vẫn dao động trong biên độ lớn và thiếu sự đồng thuận; nhà đầu tư nên tiếp tục giữ tâm lý thận trọng trong giai đoạn này và chờ tín hiệu xác nhận xu hướng rõ ràng hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 24/04/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-17.07** điểm, đóng cửa tại **1853.29** điểm. HNX-Index **-1.28** điểm, đóng cửa tại **251.95** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **TCB (+1.49)**, **VJC (+0.74)**, **GVR (+0.66)**, **GAS (+0.47)**, **VCK (+0.34)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-6.53)**, **VIC (-3.95)**, **VCB (-3.81)**, **BID (-1.26)**, **CTG (-0.82)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,361** tỷ đồng, giảm **-35.70%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,363 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 38.3 điểm. Thị trường có **135** mã tăng, 55 mã tham chiếu, **188** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1935.15** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-416.49 tỷ)**, **ACB (-278.52 tỷ)**, **VCB (-240.22 tỷ)**, **VHM (-132.33 tỷ)**, **MSB (-104.41 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-2.19** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.68%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - TCB (+2.85%)** ([Link báo cáo](#))
 - PVS (+1.87%)** ([Link báo cáo](#))
 - HDB (+1.13%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+0.02%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - DPG (+5.11%)** ([Link báo cáo](#))
 - SIP (+3.61%)** ([Link báo cáo](#))
 - VJC (+3.20%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.68%	0.02%	-0.91%	-0.66%
1 tuần	-1.06%	-1.03%	1.99%	1.17%
1 tháng	3.17%	0.65%	10.79%	10.42%
3 tháng	-4.51%	-2.98%	-0.94%	-3.19%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,853.29	251.95	127.54
% 1D	-0.91%	-0.51%	-0.60%
GTKL (tỷ VND)	17,361	760	403
%1D	-35.70%	-33.91%	-37.52%
GDNN (tỷ VND)	-1935.15	-2.19	-10.83

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCB	33.94	FPT	-416.49
VPI	25.91	ACB	-278.52
SSI	19.97	VCB	-240.22
VJC	17.02	VHM	-132.33
MBB	16.67	MSB	-104.41

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

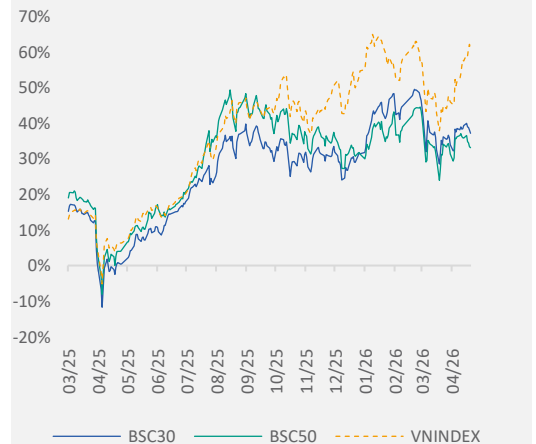
		%D	%W
SPX	7,108	-0.41%	0.95%
FTSE100	10,383	-0.71%	-2.67%
Eurostoxx	5,855	-0.87%	-3.47%
Shanghai	4,080	-0.33%	0.70%
Nikkei	59,716	0.97%	2.06%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	106.38	1.25%
Giá vàng	4,692	-0.06%
Tỷ giá		
USD/VND	26,340	0.05%
EUR/VND	30,795	-0.06%
JPY/VND	16,510	0.14%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.00%
LS LNH 1M	6.8%	0.00%

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCB	34.25	2.85%	1.49	25.34
VJC	180.50	3.20%	0.74	1.58
GVR	33.35	2.30%	0.66	3.03
GAS	78.30	1.16%	0.47	1.20
VCK	34.80	2.96%	0.34	3.03

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	38.10	1.87%	0.21	2.90
NVB	10.90	0.93%	0.11	0.10
CEO	17.10	0.59%	0.03	7.05
HTC	33.20	9.93%	0.03	0.00
MAC	15.50	6.16%	0.02	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SC5	16.05	7.00%	0.00	0.01
ADG	8.90	6.97%	0.00	0.01
TDH	4.55	6.81%	0.01	1.81
VNE	3.81	6.72%	0.00	1.04
C32	11.95	6.70%	0.00	0.15

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VLA	11.00	10.00%	0.00	0.00
HTC	33.20	9.93%	0.02	0.00
VC6	23.80	9.68%	0.01	0.00
CTT	16.50	9.27%	0.00	0.00
TKU	11.80	9.26%	0.00	0.02

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	141.20	-5.23%	-6.53	6.08
VIC	212.10	-1.12%	-3.95	4.28
VCB	60.60	-3.50%	-3.81	11.99
BID	40.75	-2.04%	-1.26	4.71
CTG	35.00	-1.41%	-0.82	5.85

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

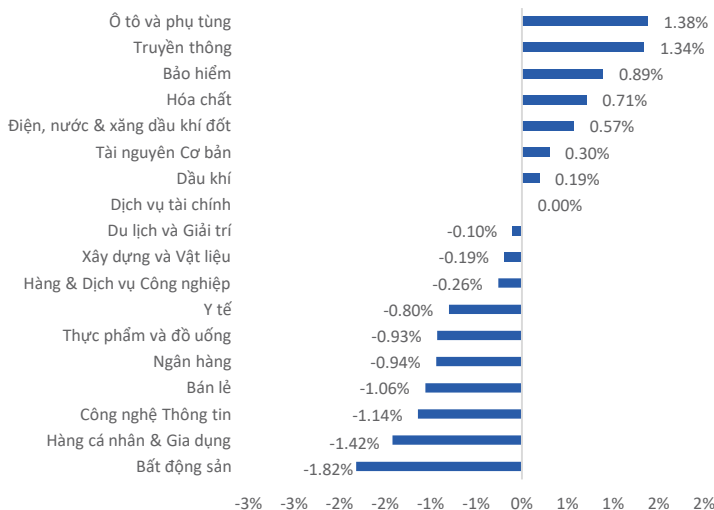
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	93.30	-1.79%	-0.86	0.04
KSV	154.20	-2.41%	-0.42	0.04
PVI	74.80	-2.86%	-0.29	0.05
HUT	16.20	-1.82%	-0.18	1.17
VIF	15.00	-3.23%	-0.10	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

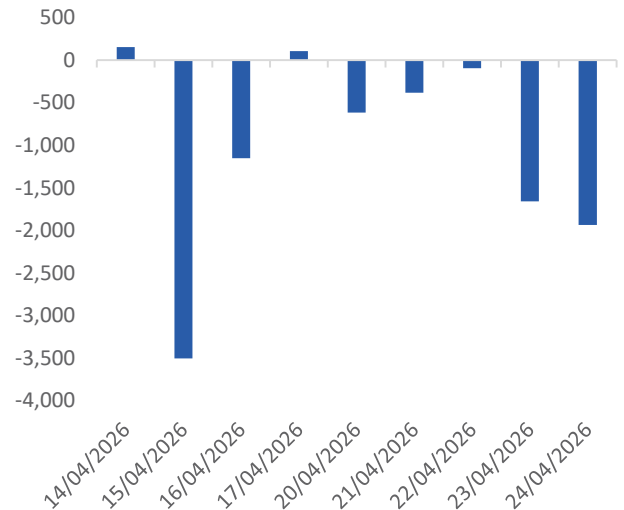
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PC1	22.45	-6.85%	-0.14	1.51
CLW	44.75	-6.77%	-0.01	0.00
VDP	53.00	-6.53%	-0.02	0.00
VPG	3.49	-6.43%	0.00	0.57
PGI	18.50	-5.61%	-0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
AAV	7.20	-10.00%	-0.05	1.16
WCS	284.40	-9.94%	-0.02	0.00
TJC	24.50	-9.93%	0.00	0.05
PTX	20.90	-9.13%	-0.01	0.00
SGH	22.00	-9.09%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (nghìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (nghìn VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	83.5	-1.2%	1.2	122,613	466.2	4,775	17.5	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	34.2	0.0%	1.1	32,208	111.9	2,450	14.0	46.0	9.3%	Link
KDH	Bất động sản	25.6	0.0%	1.2	28,729	58.0	936	27.3	39.9	28.1%	Link
PDR	Bất động sản	16.2	0.9%	1.3	16,165	99.7	531	30.5	28.2	6.2%	Link
VHM	Bất động sản	141.2	-5.2%	1.3	579,967	875.2	10,200	13.8	132.6	8.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	73.4	-1.2%	0.6	125,037	837.3	5,515	13.3	124.4	31.8%	Link
BSR	Dầu khí	25.0	0.0%	0.0	125,182	196.1	1,041		-	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	38.1	1.9%	1.6	19,485	111.2	3,616	10.5	52.3	15.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	26.2	-2.2%	1.3	28,295	198.9	1,382	19.0		34.7%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	27.7	-0.9%	1.2	69,003	314.6	2,153	12.9		32.1%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	27.0	-0.6%	1.1	30,986	96.3	1,314	20.5		20.0%	Link
DCM	Hóa chất	41.7	-4.0%	1.0	22,050	256.6	3,702	11.3	53.3	9.5%	Link
DGC	Hóa chất	53.3	-0.4%	1.1	20,242	103.0	7,965	6.7	96.7	6.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.4	-0.4%	0.8	120,198	410.1	3,167	7.4	27.1	27.4%	Link
CTG	Ngân hàng	35.0	-1.4%	1.0	271,843	205.8	4,455	7.9	53.5	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	26.9	1.1%	1.1	134,642	657.9	3,437	7.8	32.7	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	26.2	-0.8%	1.0	211,041	241.4	3,325	7.9	32.4	23.0%	Link
MSB	Ngân hàng	12.6	0.0%	1.0	39,312	352.1	1,804	7.0	14.0	25.3%	Link
STB	Ngân hàng	64.9	-0.8%	1.0	122,350	304.5	3,150	20.6		12.4%	Link
TCB	Ngân hàng	34.3	2.9%	1.1	242,704	859.0	3,677	9.3	43.5	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.3	0.0%	1.1	45,217	72.4	2,668	6.1	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	60.6	-3.5%	0.9	506,354	736.9	4,210	14.4	75.8	20.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.3	0.3%	0.8	58,719	57.0	2,143	8.1	23.0	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	27.3	-0.6%	1.1	216,199	273.7	3,314	8.2	36.5	24.6%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.9	0.4%	1.1	214,145	664.3	2,013	13.9	32.2	22.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.8	0.6%	1.1	9,812	48.6	1,012	15.6	15.7	3.9%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	22.9	-1.1%	1.1	8,794	34.9	3,915	5.8	28.8	1.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.2	-1.3%	1.1	111,625	610.0	2,710	28.5	100.4	24.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.4	-1.0%	0.7	128,323	372.2	4,503	13.6	78.0	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (ngìn VNĐ)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ VNĐ)	Thanh khoản (tỷ VNĐ)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	44.5	-0.22%	1.1	9,842	46.3	2,492	17.9	23.7%		Link
FRT	Bán lẻ	144.5	-1.50%	0.9	24,609	54.1	4,667	31.0	32.1%		Link
BVH	Bảo hiểm	71.8	1.13%	1.1	53,299	35.3	3,821	18.8	27.2%		Link
DIG	Bất động sản	14.3	1.78%	1.2	11,389	93.5	987	14.5	2.4%		Link
DXG	Bất động sản	14.9	2.76%	1.2	16,575	172.6	231	64.6	20.3%		Link
HDC	Bất động sản	18.7	0.00%	1.2	3,735	35.1	2,734	6.8	1.4%	24.8%	Link
HDG	Bất động sản	26.6	-0.19%	1.2	9,841	50.2	2,082	12.8	19.9%		Link
IDC	Bất động sản	45.6	-0.87%	1.4	17,305	73.7	5,090	9.0	16.7%		Link
NLG	Bất động sản	27.7	-1.07%	1.1	13,413	60.6	1,805	15.3	41.2%		Link
SIP	Bất động sản	60.3	3.61%	1.0	14,599	13.2	5,464	11.0	2.5%		Link
SZC	Bất động sản	27.7	-1.07%	1.0	4,986	14.8	1,309	21.2	3.8%	7.4%	Link
TCH	Bất động sản	17.5	2.34%	1.2	15,962	225.7	416	42.1	13.5%		Link
VIC	Bất động sản	212.1	-1.12%	1.2	1,634,449	919.0	1,468	144.5	3.4%		Link
VRE	Bất động sản	28.8	-0.86%	1.0	65,443	144.7	2,837	10.2	12.0%		Link
CMG	Công nghệ Thông tin	27.8	-1.94%	1.1	6,475	8.6	1,700	16.4	37.4%		Link
PLX	Dầu khí	39.7	1.02%	0.9	50,443	259.4	2,106	18.9	14.4%		Link
PVD	Dầu khí	31.4	-0.79%	0.9	17,455	120.1	1,868	16.8	11.0%		Link
FTS	Dịch vụ tài chính	26.5	-0.19%	1.2	9,165	10.3	1,173	22.6	24.8%	9.2%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	19.6	0.00%	1.6	19,618	39.9	1,806	10.9	0.4%	15.0%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	78.3	1.16%	1.1	188,934	94.4	4,730	16.6	2.2%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	0.39%	1.2	39,268	174.1	850	15.1	3.0%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.3	0.16%	0.5	33,745	32.9	4,669	13.3	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	180.5	3.20%	1.0	106,786	279.7	3,728	48.4	6.4%		Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	39.8	0.63%	1.3	35,915	228.8	1,638	24.3	7.2%		Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	75.0	1.08%	1.1	31,987	168.9	4,173	18.0	41.8%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.1	-1.23%	1.0	10,566	37.4	6,702	8.4	11.5%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.2	-2.73%	1.0	10,879	156.0	2,208	10.5	13.7%		Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69.4	1.31%	0.9	12,001	27.4	3,257	21.3	4.5%		Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	70.0	-2.37%	1.1	35,821	93.8	5,554	12.6	48.8%		Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.0	-0.86%	1.0	2,571	12.1	2,402	9.6	48.3%		Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.4	-0.47%	1.4	2,755	29.5	3,269	6.6	22.0%	21.1%	Link
DPM	Hóa chất	26.5	-2.04%	0.8	17,984	148.5	1,578	16.8	6.0%		Link
GVR	Hóa chất	33.4	2.30%	1.2	133,400	100.4	1,330	25.1	0.7%		Link
EIB	Ngân hàng	22.4	-0.22%	1.2	41,632	183.4	610	36.6	3.0%		Link
LPB	Ngân hàng	46.3	-0.43%	0.5	138,311	29.1	3,738	12.4	0.9%	24.7%	Link
NAB	Ngân hàng	14.2	2.16%	0.6	24,363	43.2	2,438	5.8	0.9%		Link
OCB	Ngân hàng	11.5	0.00%	0.8	30,492	14.6	1,604	7.1	19.7%	12.7%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.5	-0.34%	1.2	6,467	40.9	461	31.3	5.0%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.3	0.62%	1.2	6,470	19.4	3,992	6.1	4.0%	30.3%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.7	-0.68%	0.5	11,158	75.7	440	83.5	3.0%		Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.0	-2.49%	0.6	60,280	43.2	3,754	12.5	58.5%	22.0%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.4	0.65%	0.9	14,006	61.1	6,319	9.9	19.4%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	147.0	-1.08%	0.4	12,034	12.0	15,218	9.7	80.4%	41.5%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	87.2	0.58%	1.1	9,751	76.3	7,033	12.4	49.0%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	87.2	1.40%	1.1	9,974	80.9	5,243	16.6	5.1%		Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.3	5.11%	1.1	5,247	92.7	3,135	14.1	19.1%		Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.7	-1.55%	1.0	6,949	90.0	1,186	10.7	10.3%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	-6.85%	1.0	9,233	33.8	2,532	8.9	16.7%		Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	22.9	0.88%	0.9	14,804	315.0	5,670	4.0	2.3%		Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.9	0.00%	1.2	19,660	13.9	3,130	14.0	1.7%		Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Click
2	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Click
3	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Click
4	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
5	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Click
6	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
7	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
8	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
9	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SỐNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
10	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
12	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
13	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
14	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
15	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
16	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
19	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
20	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
21	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
22	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
23	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
24	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
25	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường**Vũ Việt Anh**

Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>